

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 175/2021/DS-GĐT

Ngày: 02/6/2021

V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ỦY BAN THẨM PHÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh gồm có: 11 (mười một) thành viên tham gia xét xử, do ông Trần Văn Châu - Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh làm chủ tọa phiên tòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Vũ Phương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Đào – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã mở phiên tòa giám đốc thẩm vụ án dân sự về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn L1, sinh năm 1963;

Địa chỉ: 2/9 đường số 10, khu phố 5, phường H1, Quận H2 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Thánh N1, sinh năm 1953;

Địa chỉ: 74/14 đường 6, khu phố 3, phường H3, Quận H4 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Trần Quốc LQ1, sinh năm 1953;

Địa chỉ: 242 Nguyễn Văn Hưởng, phường H5, Quận H2 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Bà Nguyễn Thị LQ2, sinh năm 1975;

Địa chỉ: 33/3 Long Thuận, phường H6, Quận H7 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Bà Nguyễn Thị Ngọc LQ3, sinh năm 1961;

Địa chỉ: 2/9 đường số 10, khu phố 5, phường H1, Quận H2 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

3.4. Bà Nguyễn Thị LQ4, sinh năm 1956.

Địa chỉ: 74/14 đường số 6, khu phố 3, phường H3, Quận H4 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Phạm Văn L1 yêu cầu ông Trần Thánh N1 hoàn trả cho ông các khoản vay, cụ thể:

Ngày 01/01/2017, ông N1 vay số tiền 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, vốn và lãi trả cuối kỳ. Ông L1 đã giao cho ông N1 đủ số tiền 1.500.000.000 đồng.

Ngày 12/01/2017, ông N1 vay tiếp số tiền 2.200.000.000 đồng, thời hạn vay 04 tháng. Hai bên thống nhất hủy Giấy vay tiền lập ngày 01/01/2017 và ghi chung vào Giấy vay tiền lập ngày 12/01/2017, trong đó có ghi cụ thể từng lần vay, lãi suất thỏa thuận miệng là 1,2%/tháng, vốn và lãi trả cuối kỳ. Ông L1 đã giao cho ông N1 đủ số tiền 2.200.000.000 đồng. Ngày 13/6/2018, ông N1 trả 2.000.000.000 đồng cho hai khoản vay trên (bao gồm tiền vốn là 1.245.200.000 đồng và tiền lãi là 754.800.000 đồng), còn lại 2.454.800.000 đồng tiền vốn (của hai khoản vay ngày 01/01/2017 và ngày 12/01/2017). Ông L1 đề nghị tính lãi đối với khoản vay này từ ngày 14/6/2018 đến 30/10/2019 là $2.454.800.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 16 \text{ tháng} 16 \text{ ngày} = 336.861.440 \text{ đồng}$. Ông cho rằng tuy hai khoản vay khác nhau nhưng thời gian chỉ chênh nhau 10 ngày nên số tiền vốn và lãi không lập bảng tính tách biệt mà được tính chung số tiền 3.700.000.000 đồng, vay ngày 12/01/2017 là có lợi cho ông N1.

Ngày 05/3/2017, ông N1 vay số tiền 3.000 USD (tương đương 69.000.000 đồng), không có lãi và số tiền 130.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận miệng là 1,2%/tháng, thời hạn vay là 01 tháng, vốn và lãi trả cuối kỳ. Ông đề nghị tiền lãi của khoản vay 130.000.000 đồng tính từ ngày 05/3/2017 đến 30/10/2019 là $130.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 31 \text{ tháng} 24 \text{ ngày} = 34.289.000.000 \text{ đồng}$.

Ngày 14/4/2017, ông N1 vay số tiền 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất thỏa thuận miệng là 1,2%/tháng, vốn và lãi trả cuối kỳ. Ông đề nghị tính tiền lãi tính 14/4/2017 đến 30/10/2019 là $1.000.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 30 \text{ tháng} 16 \text{ ngày} = 253.416.000 \text{ đồng}$.

Ngày 28/4/2017, ông N1 vay số tiền 150.000.000 đồng không có lãi. Do khoản vay này không xác định thời hạn nên ngày 10/4/2019, ông L1 đã có thông báo yêu cầu ông N1 thanh toán tiền vay (thông báo được gửi bằng đường bưu

điện), đến nay ông N1 vẫn chưa trả.

Như vậy, ông N1 còn nợ ông L1 tiền vốn là 2.454.800.000 đồng + 69.000.000 đồng + 130.000.000 đồng + 1.000.000.000 đồng + 150.000.000 đồng = 3.803.800.000 đồng. Tổng số tiền lãi là 336.861.440 đồng + 34.289.000 đồng + 253.416.000 đồng = 624.566.440 đồng.

Ông không yêu cầu tính lãi đối với khoản vay 3.000 USD (tương đương 69.000.000 đồng) theo giấy vay ngày 05/3/2017 và không yêu cầu tính lãi quá hạn đối với khoản vay 150.000.000 đồng theo giấy vay ngày 28/4/2017.

Nay ông L1 yêu cầu ông N1 trả tổng số tiền vốn và lãi là 3.803.800.000 đồng + 624.566.440 đồng = 4.428366.440 đồng.

Ông L1 xác định toàn bộ số tiền cho ông N1 vay là của cá nhân ông L1 cho cá nhân ông N1 vay, không liên quan đến vợ ông L1 và vợ ông N1.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về số tiền 2.000.000.000 đồng theo giấy nhận tiền ngày 13/6/2018, ông N1 cho rằng đây là tiền vốn và lãi ông trả cho khoản vay 2.200.000.000 đồng + 1.500.000.000 đồng = 3.700.000.000 đồng, ông L1 không đồng ý.

Đối với yêu cầu hủy giao dịch dân sự về khoản tiền vay 2.200.000.000 đồng theo giấy tờ ngày 12/01/2017, đây là giao dịch dân sự có thật, ông L1 không đồng ý hủy.

Đối với yêu cầu trả bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 270294 do Ủy ban nhân dân Quận H7 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/5/2004 cho bà Nguyễn Thị LQ2, ông L1 không nhận nên không đồng ý. Ông L1 xác định chỉ cho ông N1 vay tiền, không cho ông LQ1 vay tiền.

Bị đơn ông Trần Thánh N1 trình bày:

Ông đồng ý trả cho ông L1 số tiền 1.500.000.000 đồng vay ngày 01/01/2017, không đồng ý trả lãi. Để đảm bảo khoản vay này, ông N1 đưa cho ông L1 giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 270294 do Ủy ban nhân dân Quận H7 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/5/2004 cho cá nhân bà Nguyễn Thị LQ2 (do ông N1 mượn của bà LQ2).

Đối với số tiền 2.200.000.000 đồng vay ngày 12/01/2017, ông có ký giấy vay của ông L1, nhưng ông không trực tiếp nhận tiền từ ông L1 mà ông Trần Quốc LQ1 mới là người nhận (do ông LQ1 có nhờ ông N1 liên hệ hỏi vay từ ông L1 số tiền 1.500.000.000 đồng từ ngày 20/11/2016, lãi tính đến 12/01/2017 là 700.000.000 đồng, tổng vốn và lãi là 2.200.000.000 đồng) nên ông LQ1 mới là người có nghĩa vụ trả, ông N1 không đồng ý trả cho ông L1.

Đối với số tiền 3.000 USD (tương đương 69.000.000 đồng) và 130.000.000

đồng vay ngày 05/3/2017, ông có ký giấy mượn nhưng số tiền này thực tế là tiền lãi của số tiền 2.200.000.000 đồng mà ông LQ1 là người nhận tiền nên ông LQ1 mới là người có nghĩa vụ trả, ông N1 không đồng ý trả cho ông L1.

Đối với số tiền 1.000.000.000 đồng vay ngày 14/4/2017, ông xác định có ký mượn của ông L1, nhưng giấy vay không ghi đã nhận đủ tiền và thực tế ông N1 không nhận số tiền này, lý do ký giấy mượn vì không kịp trả lãi các khoản vay trước đó nên phải ký không thêm để hợp thức hóa nên ông N1 không đồng ý trả.

Đối với số tiền 150.000.000 đồng vay ngày 28/4/2017, ông N1 xác định có ký mượn của ông L1 số tiền trên không có thời hạn, không thỏa thuận lãi suất. Ông đồng ý trả số tiền này.

Nay ông N1 xác định chỉ mượn của ông L1 số tiền 1.500.000.000 đồng ngày 01/01/2017 và khoản 150.000.000 đồng mượn ngày 28/4/2017 nên đồng ý trả cho ông L1 số tiền 1.500.000.000 đồng + 150.000.000 đồng = 1.650.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi. Còn các khoản khác, tuy ông N1 là người ký giấy vay tiền nhưng ông LQ1 là người trực tiếp nhận tiền của ông L1 nên ông LQ1 có nghĩa vụ trả, ông N1 không đồng ý trả cho ông L1.

Bị đơn có yêu cầu phản tố đối nguyên đơn:

Ngày 13/6/2018, ông L1 có mượn ngược lại ông N1 số tiền 2.000.000.000 đồng, không thời hạn và không lãi suất. Việc đưa tiền có lập biên bản nhưng không ghi rõ nội dung đưa tiền gì, ông L1 tự ý trừ số tiền này vào tiền vốn và lãi của khoản vay 2.200.000.000 đồng + 1.500.000.000 đồng = 3.700.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 12/01/2017, ông N1 không đồng ý. Nay ông N1 yêu cầu ông L1 trả số tiền 2.000.000.000 đồng.

Yêu cầu hủy giao dịch dân sự về khoản tiền vay 2.200.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 12/01/2017, lý do ông N1 không trực tiếp nhận tiền mà ông L1 tự ý giao cho ông LQ1.

Yêu cầu ông L1 trả bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 270294 do Ủy ban nhân dân Quận H7 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/5/2004 cho bà Nguyễn Thị LQ2.

Ông N1 xác định việc mượn tiền qua lại giữa ông N1 và ông L1 không liên quan đến vợ ông L1 và vợ ông N1.

Ngoài ra, ông N1 đề nghị xác định thời hiệu đối với hai khoản vay theo Giấy vay tiền ngày 01/01/2017 và 12/01/2017 theo Giấy vay tiền ngày 12/01/2017.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Trần Quốc LQ1 trình bày:

Khoảng tháng 11/2016, ông có nhờ ông N1 liên hệ hỏi vay của ông L1 số tiền 1.500.000.000 đồng. Ông N1 là người bảo lãnh và trực tiếp trao đổi thỏa thuận với ông L1, sau đó ông N1 ký giấy vay tiền, ông là người trực tiếp nhận tiền từ ông L1 và ký giấy vay tiền ông N1 chứ không ký giấy vay tiền ông L1. Việc vay mượn tiền không có thỏa thuận ba bên giữa ông với ông L1 và ông N1.

Tính đến ngày 12/01/2017, tổng số tiền vốn và lãi ông còn nợ là 2.200.000.000 đồng, ông đồng ý trả cho ông L1 2.200.000.000 đồng.

Việc vay mượn tiền là của cá nhân, không liên quan đến vợ ông.

Bà Nguyễn Thị LQ2 trình bày:

Bà là người đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 270294 do Ủy ban nhân dân Quận H7 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/5/2004, do có quan hệ quen biết nên bà có cho ông N1 mượn bản chính giấy chứng nhận, sau đó ông N1 đưa cho ai và đưa khi nào bà không biết. Nay bà thống nhất với yêu cầu của ông N1.

Bà Nguyễn Thị LQ4 trình bày:

Việc vay mượn giữa ông N1 và ông L1 bà không biết, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị Ngọc LQ3 trình bày:

Việc vay mượn giữa ông N1 và ông L1 bà không biết, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án sơ thẩm số 859/2019/DS-ST ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân Quận H4 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn L1 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và “Tranh chấp đòi tài sản” với ông Trần Thánh N1.

Buộc ông Trần Thánh N1 trả cho ông Phạm Văn Luận số tiền 4.428.366.440 đồng (Bốn tỷ bốn trăm hai mươi tám triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm bốn mươi đồng). Việc thi hành án ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Bác yêu cầu phản tố của ông Trần Thánh N1 về việc “Tranh chấp đòi tài sản” và “Tranh chấp đòi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” với ông Phạm Văn Luận.

Bác yêu cầu của ông Trần Thánh N1 về việc buộc ông Phạm Văn L1 trả số tiền 2.000.000.000 đồng theo biên nhận tiền ngày 13/6/2018.

Bác yêu cầu của ông Trần Thánh N1 về việc hủy giao dịch dân sự đối với khoản tiền vay 2.200.000.000 đồng theo giấy tờ ngày 12/01/2017.

Bác yêu cầu của ông Trần Thánh N1 về việc yêu cầu ông Phạm Văn L1 trả

lại 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 270294 do UBND Quận H7 (nay là thành phố Thủ Đức) cấp ngày 08/5/2004 cho bà Nguyễn Thị LQ2.

Ngoài ra, Tòa án còn tuyên về án phí, chi phí do vẽ, thẩm định tại chỗ và định giá, quyền thi hành án của đương sự, quyền kháng cáo.

Ngày 01/12/2019, ông Trần Thánh N1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 272/2020/DS-PT ngày 11/5/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Trần Thánh N1, sửa bản án sơ thẩm như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn L1: Buộc ông Trần Thánh N1 trả cho ông Phạm Văn L1 số tiền 4.163.702.259 đồng (Bốn tỷ một trăm sáu mươi ba triệu bảy trăm lẻ hai nghìn hai trăm năm mươi chín đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Thánh N1.

Ngày 04/9/2020, ông Trần Thánh N1 có đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm đối với bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 73/QĐKNGĐT-VKS-V1 ngày 17/02/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm huỷ Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên và Bản án dân sự sơ thẩm 859/2019/DS-ST ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân Quận H4 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Quận H4 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về xác định các khoản vay:

[1.1]. Đối với khoản vay số tiền 1.500.000.000 đồng theo biên nhận ngày 01/01/2017 và khoản vay số tiền 150.000.000 đồng theo biên nhận ngày 28/4/2017: ông N1 thừa nhận đã vay của ông L1 các khoản tiền này và đồng ý thanh toán cho ông L1 số tiền nợ gốc cùng tiền lãi theo quy định pháp luật.

[1.2]. Đối với khoản vay 2.200.000.000 đồng, theo biên nhận ngày 12/01/2017, ông N1 cho rằng khoản nợ này là của ông Trần Quốc LQ1, ông LQ1 nhờ ông giới thiệu vay tiền của ông L1, ông LQ1 là người nhận tiền, ông là

người ký giấy vay tiền. Ông LQ1 thống nhất với lời khai của ông N1 về khoản vay này và đồng ý trả tiền cho ông L1. Tuy nhiên, ông N1, ông LQ1 không có chứng cứ chứng minh có thỏa thuận ba bên về việc ông LQ1 là người vay số tiền trên của ông L1 và có trách nhiệm trả nợ cho ông L1. Trong khi đó, ông L1 xác định khoản vay 2.200.000.000 đồng là ông cho ông N1 vay và hai bên thống nhất hủy biên nhận ngày 01/01/2017, ghi chung vào giấy vay tiền ngày 12/01/2017, ghi cụ thể từng lần vay, trong đó có khoản vay 1.500.000.000 đồng vào ngày 01/01/2017, ông đã giao đủ tiền cho ông N1 và ông N1 đã ký vào giấy vay tiền.

[1.3]. Đối với các khoản vay số tiền 3.000 USD (tương đương số tiền 69.000.000 đồng) và số tiền 130.000.000 đồng theo giấy nợ ngày 05/3/2017, ông N1 cho rằng khoản nợ này là tiền lãi của số nợ 2.200.000.000 đồng theo biên nhận ngày 12/01/2017 mà ông LQ1 là người đã nhận tiền, nên ông LQ1 phải có nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên, ông N1 không có chứng cứ chứng minh hai khoản vay trên là tiền lãi.

[1.4]. Đối với khoản vay với số tiền 1.000.000.000 đồng theo biên nhận ngày 14/4/2017, ông N1 cho rằng ông không nhận tiền, do không kịp trả lãi các khoản vay trước đó và ông tự nguyện ký khống để hợp thức hóa khoản vay. Ông L1 không thừa nhận lời trình bày của ông N1.

Do đó, các Tòa án cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm căn cứ vào các giấy vay tiền, nội dung trao đổi thỏa thuận vay tiền được các bên thừa nhận để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L1, buộc ông N1 phải hoàn trả các khoản tiền vay cho ông L1, đồng thời xác định ông LQ1 không liên quan đến các giao dịch nêu trên. *“Thỏa thuận giữa ông N1 và ông LQ1 nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác nếu các bên có yêu cầu”* như Tòa án cấp phúc thẩm nhận định là có căn cứ. Kháng nghị cho rằng *“phải buộc ông LQ1 có nghĩa vụ trả cho ông N1 khoản tiền đã vay trong cùng vụ án này để giải quyết triệt để vụ án, đảm bảo quyền lợi cho các đương sự”* là không có cơ sở chấp nhận.

[2]. Về cách tính lãi:

Quá trình giải quyết vụ án, ông L1 không yêu cầu tính lãi quá hạn đối với các khoản vay trên, không yêu cầu tính lãi đối với khoản vay 3.000 USD (tương đương 69.000.000 đồng) theo biên nhận ngày 05/3/2017 và khoản vay số tiền 150.000.000 đồng theo biên nhận ngày 28/4/2017, còn các khoản vay khác yêu cầu tính lãi 10%/năm. Ngoài ra, đối với số tiền 2.000.000.000 đồng tại biên nhận tiền ngày 13/6/2018, ông L1 đã nhận từ ông N1, được ông L1 thừa nhận đây là tiền vốn và lãi ông N1 trả cho ông L1 trong đó tiền vốn là 1.477.930.000 đồng và lãi là 522.070.000 đồng. Ông N1 còn nợ lại ông L1 số tiền vốn tổng cộng 3.571.070.000 đồng. Như vậy, Tòa án cấp phúc thẩm đã xem xét giải quyết làm rõ đối với số tiền 2.000.000.000 đồng, ông L1 đã ký nhận từ ông N1 vào ngày

13/6/2018 và Tòa án cấp phúc thẩm đã điều chỉnh mức lãi suất ông N1 phải hoàn trả cho ông L1 theo quy định pháp luật, buộc ông N1 phải trả cho ông L1 số tiền vốn và lãi với số tiền tổng cộng 4.163.702.259 đồng là có căn cứ.

Vì vậy, không có cơ sở để chấp nhận Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị làm rõ số tiền nợ gốc, tiền nợ lãi và trách nhiệm của ông LQ1 trong vụ án này.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 325; Điều 334; Điều 337 và Khoản 1 Điều 343 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

1. Không chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 73/QĐKNGĐT - VKS - V1 ngày 17/02/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự phúc thẩm số 272/2020/DS-PT ngày 11/5/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với vụ án về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, giữa nguyên đơn ông Phạm Văn L1 với bị đơn ông Trần Thánh N1.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định./.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDCC tại TP HCM (để báo cáo);
- Vụ pháp chế và quản lý khoa học TANDTC;
- VKSNDCC tại TP HCM (để biết);
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS tp Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu VP, Phòng HCTP, Phòng GDKT III, HSVA.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
CHÁNH ÁN**

Trần Văn Châu

CÁC THẨM PHÁN

ỦY BAN THẨM PHÁN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Cường

Bùi Đức Xuân

Trần Văn Châu

Nguyễn Hữu Trí

Phạm Hồng Phong

Lê Thành Văn

Nguyễn Hữu Ba

Huỳnh Thanh Duyên

Phan Thanh Tùng

Tô Chánh Trung

Hoàng Thanh Dũng